

KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHÓA 257

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG TRỊ

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX			HP	HP3		TX			HP	HP4			
1	30.26.0001	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	25/09/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá	
2	30.26.0002	Thương Văn Canh	Nam	14/11/2000	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.8	Khá	
3	30.26.0003	Hồ Thị Bảo Châu	Nữ	27/07/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	7.8	Khá	
4	30.26.0004	Hoàng Thị Kim Chi	Nữ	16/05/2007	Quảng Bình	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá	
5	30.26.0005	Hồ Thị Dẫu	Nữ	28/05/2006	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá	
6	30.26.0006	Dương Thu Hà	Nữ	28/11/2007	Quảng Bình	GDMN K30A	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá	
7	30.26.0007	Hồ Thị Hum	Nữ	01/01/2006	Quảng Trị	GDMN K30A	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	8.0	10.0	9.5	8.0	8.6	8.4	Khá	
8	30.26.0008	Nguyễn Lâm Thùy Hương	Nữ	27/03/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.8	Khá	
9	30.26.0009	Phùng Nguyễn Khánh Linh	Nữ	16/03/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá	
10	30.26.0010	Hồ Thị Mẫu	Nữ	20/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.7	Khá	
11	30.26.0011	Hồ Thị Ngọc	Nữ	22/05/2005	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.3	Khá	
12	30.26.0012	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	28/04/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá	
13	30.26.0013	Lê Ý Nhi	Nữ	04/03/1999	Quảng Bình	GDMN K30A	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.2	9.0	9.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	8.0	10.0	9.5	9.0	9.2	8.7	Giỏi	
14	30.26.0015	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	24/04/2006	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	7.0	8.0	0.0	.	.		
15	30.26.0016	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	31/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá	
16	30.26.0017	Hồ Uyên Phương	Nữ	12/02/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá	
17	30.26.0018	Từ Nữ Ngọc Phượng	Nữ	09/03/2006	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá	
18	30.26.0019	Hồ Thị Bích Quý	Nữ	22/01/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.8	Khá	
19	30.26.0020	Hoàng Thị Thủy Quỳnh	Nữ	20/06/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
20	30.26.0021	Hồ Tăng Bin Sơ	Nữ	23/03/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
21	30.26.0022	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	19/01/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.		
22	30.26.0024	Hồ Thị Thiều	Nữ	10/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
23	30.26.0025	Lê Anh Thơ	Nữ	28/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.6	Khá	



TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX		HP	HP3	TX		HP		HP4						
24	30.26.0027	Hồ Thị Thu	Thùy	Nữ	12/06/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá		
25	30.26.0028	Nguyễn Thị Thủy	Triều	Nữ	15/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.5	Khá	
26	30.26.0023	Hồ Thị	Tuyền	Nữ	01/11/2006	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá		
27	30.26.0029	Hồ Thị	Uyên	Nữ	02/02/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.		
28	30.26.0031	Phạm Thị	Xoan	Nữ	24/11/2007	Quảng Bình	GDMN K30A	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
29	30.26.0033	Võ Thị Thu	Yến	Nữ	29/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30A	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.6	Khá	
30	30.26.0034	Hồ Thị Lan	Anh	Nữ	28/02/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá	
31	30.26.0035	Hồ Thị	Chi	Nữ	29/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	7.8	Khá	
32	30.26.0037	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	04/09/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	6.1	7.9	Khá	
33	30.26.0038	Hồ Thị	Hà	Nữ	03/09/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.5	Khá	
34	30.26.0039	Hồ Thị	Huệ	Nữ	16/06/2006	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
35	30.26.0040	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	05/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.6	Khá	
36	30.26.0041	Hồ Thị	Khuyết	Nữ	06/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.3	Khá	
37	30.26.0042	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	16/01/2007	Quảng Bình	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
38	30.26.0043	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	11/07/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá	
39	30.26.0044	Đinh Thị Cẩm	Ly	Nữ	23/05/2007	Quảng Bình	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	10.0	9.0	8.0	8.9	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.4	Khá	
40	30.26.0047	Phạm Phú	Ngân	Nữ	18/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.6	Khá	
41	30.26.0048	Nguyễn Thảo	Ngọc	Nữ	10/02/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
42	30.26.0049	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/01/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Khá	
43	30.26.0050	Phan Thị Như	Nguyệt	Nữ	11/03/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá	
44	30.26.0051	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	16/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.0	Khá	
45	30.26.0052	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	15/09/2006	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.9	Khá	
46	30.26.0053	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	Nữ	25/12/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.6	Khá	
47	30.26.0054	Trương Thị Linh	Nhi	Nữ	25/07/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	10.0	9.0	9.0	9.2	8.0	8.4	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	8.0	10.0	9.5	5.0	6.8	7.7	Khá	
48	30.26.0046	Đỗ Khánh	Ny	Nữ	26/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.2	Khá	
49	30.26.0055	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/12/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	7.5	Khá	
50	30.26.0056	Trương Thị Mỹ	Tâm	Nữ	27/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	Khá	
51	30.26.0059	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	19/02/2007	Quảng Bình	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.8	Khá	
52	30.26.0060	Trần Thục Bảo	Thi	Nữ	25/04/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.8	Khá	
53	30.26.0061	Trương Đan	Thi	Nữ	02/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2					L1	L2																			
54	30.26.0057	Y	Tiêng	Nữ	22/04/2007	Quảng Bình	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.6	Khá		
55	30.26.0063	Đinh Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	10/07/2007	Quảng Bình	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.1	Khá		
56	30.26.0062	Hồ Thị Ngọc	Trang	Nữ	26/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	10.0	9.4	8.2	Khá		
57	30.26.0058	Nguyễn Thị Hồng	Ty	Nữ	19/12/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.0	Khá	
58	30.26.0064	Hồ Hà	Vi	Nữ	19/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá		
59	30.26.0065	Lê Thị Hạ	Vi	Nữ	24/03/2006	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	7.7	Khá		
60	30.26.0066	Hồ Thị	Xa	Nữ	28/07/2007	Quảng Trị	GDMN K30B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.8	Khá		
61	30.26.0067	Ngô Hà Vân	Anh	Nữ	22/04/2003	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.0	Khá		
62	30.26.0068	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	Nữ	06/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.5	Khá	
63	30.26.0069	Hồ Thị	Bé	Nữ	07/10/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.9	Khá	
64	30.26.0070	Hồ Thị	Bùi	Nữ	15/11/2006	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá	
65	30.26.0071	Nguyễn Thị Thùy	Diệp	Nữ	18/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	7.0	6.6	8.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.6	Khá	
66	30.26.0073	Nguyễn Dương Thanh	Hằng	Nữ	15/04/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá	
67	30.26.0076	Mai Thị	Hường	Nữ	30/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.0	Khá		
68	30.26.0074	Phạm Dương Bích	Huyền	Nữ	09/10/2007	Quảng Bình	GDMN K30C	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.5	6.0	6.6	7.8	Khá		
69	30.26.0075	Trần Khánh	Huyền	Nữ	23/07/2007	Quảng Bình	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.4	Khá	
70	30.26.0077	Hồ Thị	Kim	Nữ	06/09/2006	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá		
71	30.26.0078	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	01/12/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.3	Khá	
72	30.26.0079	Trần Lê Ngọc	Linh	Nữ	17/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.8	Khá		
73	30.26.0080	Lê Thị	Lương	Nữ	06/09/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
74	30.26.0081	Hồ Thị Mai	Ly	Nữ	07/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.7	Khá		
75	30.26.0082	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	14/07/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.8	Khá	
76	30.26.0084	Hồ Thị Minh	Ngọc	Nữ	17/03/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá		
77	30.26.0085	Trương Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	12/10/2006	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá	
78	30.26.0086	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	01/10/2006	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.0	6.0	6.8	7.7	Khá		
79	30.26.0087	Lê Nguyễn Ý	Nhi	Nữ	18/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.2	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	8.0	10.0	9.5	6.0	7.4	8.1	Khá	
80	30.26.0088	Hồ Hoài Bảo	Như	Nữ	24/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá		
81	30.26.0089	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	22/09/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.2	9.0	9.1	10.0	9.0	8.0	8.9	8.0	8.4	10.0	9.0	10.0	9.8	10.0	9.9	8.8	Giỏi	
82	30.26.0090	Nguyễn Thị Diễm	Phương	Nữ	02/06/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá	
83	30.26.0091	Hồ Diễm	Quỳnh	Nữ	01/05/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	7.0	8.0	8.0	7.8	4.0	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3				

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX			HP	HP3		TX			HP	HP4			
84	30.26.0095	Hồ Thị Diệu Thảo	Nữ	24/07/2004	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.9	Khá	
85	30.26.0096	Hồ Thị Thiện	Nữ	30/05/2005	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.5	Giỏi	
86	30.26.0097	Đào Thanh Thúy	Nữ	11/01/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá	
87	30.26.0092	Phan Thị Thùy Tiên	Nữ	01/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá	
88	30.26.0098	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	19/08/2006	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá	
89	30.26.0099	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	05/02/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.8	Khá	
90	30.26.0093	Hồ Thị Tú	Nữ	19/08/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.9	Khá	
91	30.26.0094	Hồ Thị Tuyền	Nữ	09/11/2007	Quảng Trị	GDMN K30C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá	
92	30.26.0100	Trịnh Thị Phương Uyên	Nữ	09/12/1996	Quảng Trị	GDMN K30C	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.9	Khá	

Ấn định danh sách 92 sinh viên

Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026



Nguyễn Xuân Thiện

TRƯỞNG PHÒNG ĐT, QLSV

Nguyễn Thanh Lạng

Nguyễn Thanh Lạng

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Hoàng Thị Lý

Hoàng Thị Lý